

BẠN XƯA 50 NĂM CŨ

Chuyện kể của ông Hai

Đạo đó, tôi vừa mới trở mã, bẻ tiếng, tay chân tự nhiên dài ngoằng ra, áo quần thành ngắn cũn cỡn. Tôi vụng về, ngờ ngác, làm cái gì cũng hư hỏng, má tôi cứ la rầy mãi. La rầy để quở trách mà cũng chan chứa tình yêu thương. Tôi ăn cái gì cũng ngon, đặt lưng xuống đâu cũng ngủ được say sưa.

Thời này, đệ nhị thế chiến vừa chấm dứt, nước Pháp đem quân trở lại Việt Nam để tái lập nền đô hộ cũ. Toàn dân đứng lên kháng chiến, cầm tầm vông vạt nhọn đánh nhau với Tây. Khí thế đàng đàng. Cũng như mọi thanh niên khác, tôi tham gia kháng chiến. Nói là đánh nhau với Tây, nhưng chạy thì nhiều hơn, vì lò ô vạt nhọn không cự nổi với súng ống của Tây.

Tôi bị Tây bắt lẳng xẹt khi đang ngủ giữa ban ngày. Bị trói kè, đem về giam tại thành phố. Trong trại giam, mỗi ngày phải đi làm lao động vệ sinh, dọn rác, quét lá, lấp các vũng bùn lầy, khai mương. Tôi làm quen được một ông lính kèn, mỗi ngày mượn cái kèn thổi tò te làm khổ lỗ tai mấy ông lính Tây chơi. Không có chi chói tai bằng nghe mấy anh tập kèn cứ ọ ẹ từ giờ này qua giờ kia mãi.

Tập hoài rồi cũng thổi được. Một lần cao hứng tôi thổi khúc kèn báo hiệu tan giờ làm việc, tiếng kèn vang vọng, rõ ràng, làm mấy ông Tây tưởng đã hết giờ, rủ nhau ra về. Tôi bị phạt giam đói, và anh lính kèn cũng bị khiển trách, không cho tôi mượn cây kèn nữa. Nhưng sau đó hai tuần, tôi được cho ra khỏi tù. Họ phát cho tôi áo quần lính, và sung vào đội thổi kèn, ban quân nhạc của Tây. Nhờ có một chút hiểu biết về âm nhạc Tây Phương, tôi học nhạc cũng khá dễ dàng, không như các ông bạn khác. Khi tập thổi kèn mà chơi, thì tôi cảm thấy vui, ham thích, thú vị, nhưng khi phải tập kèn vì bắt buộc, thì thật là chán nản, mệt nhọc, bực mình. Ông trung sĩ chỉ huy đội quân nhạc không vui, vì đã chọn làm người. Trước đó, ông tưởng tôi có năng khiếu đặc biệt về âm nhạc, nên đề nghị tuyển dụng. Về sau ông thường nói lời an ủi rằng, thiếu chó thì bắt bất cứ con gì ăn phân cũng được, miễn sao biết ăn phân thì thôi. Nghe ông nói vậy, tôi cũng tự ái, và bực mình. Thường thường, thì đội lính kèn được nhàn hạ. Mỗi ngày, mấy xuất thổi kèn báo hiệu buổi sáng thức dậy, như con gà gáy sáng, báo giờ làm việc, báo giờ nghỉ, giờ tan sở. Báo hiệu thật đúng giờ. Thế thôi. Còn ngoài ra thì chơi cờ, tán dóc, trêu ghẹo nhau, nhưng không được bài bạc. Mỗi sáng tiếng kèn vang vang: “Tọ tề ti tọ tề ti... ti tọ ti tề...” Mà lũ con nít chuyên âm thành: “Một ngàn, ba mươi vạn thằng Tây, xách cái bị, đi ăn mày. Mụ đi đâu tui bắt mụ lại, tui không cho mụ về.” Nghe y hết tiếng kèn đồng.

Trong đám lính kèn, tôi chơi thân với Tư Thành, vì anh cùng tuổi, cũng độc thân và cùng hoàn cảnh như tôi, bị Tây bắt và sung vào đội quân nhạc. Chúng tôi thường rủ nhau đi

xem hát ban đêm. Chúng tôi biết và thuộc lòng tên đào kép của các gánh cải lương, hò quảng. Nhiều lần, Tư Thành thổ lộ ước mơ của anh là được vào làm việc cho gánh cải lương, làm kép độc, nhờ đó, mà anh có thể mùi mẫn với các cô đào đẹp như tiên kia. Anh không có tham vọng được nổi tiếng, chẳng cần được khán giả mến mộ, chỉ mong gần gũi cái nhan sắc của các cô đào thôi. Ngày chủ nhật, chúng tôi về phố Sài Gòn đi dạo quanh quanh, cũng chỉ để được nhìn ngắm các cô gái với áo bà ba vải mỏng ôm sát eo ếch, ngực căng phồng có khe hở hé hé giữa hai hột nút, và nhìn quần lảnh vải láng ôm sát hông căng. Đi từ phố vào chợ Bến Thành, từ chợ ngược trở lại phố. Nhìn thiên hạ tấp nập tới lui. Chỉ thế thôi, là đủ cho lòng trai đôi mươi phơi phới. Khi mỗi chân, thì về chợ Cũ vào tiệm Tàu ăn hủ tiếu, ăn cơm xào rau thịt. Có khi chỉ mua ổ bánh mì thịt, vừa đi vừa nhai. Tuổi trẻ, khi đói bụng, ăn cái gì cũng ngon miệng cả. Nhiều khi đi theo một cô gái, hai đứa chúng tôi nói lời chọc ghẹo nhau vu vơ, cố tình để cô nghe, nhưng không dám trực tiếp trêu ghẹo hay gọi chuyện.

Có lần, tôi nhặt được tấm ảnh của một cô gái nào đó. Hình chụp rất điệu, ngón tay trỏ tựa má, hai cái núm đồng tiền lún sâu rất duyên, mặt sáng và tươi, mắt ướt rượt. Có lẽ bên ngoài đẹp mê hồn. Tôi đưa tấm ảnh cho Tư Thành xem, và bảo rằng đó là con Mười, em gái tôi ở Long Xuyên mới gọi lên. Kể từ khi thấy tấm hình này, Tư Thành nể nang tôi lắm. Tôi có thể sai Tư Thành làm những việc mà trước đây anh không bao giờ làm giúp. Tôi mượn tiền anh dễ dàng hơn, mà anh bớt nhăn nhó khó chịu. Tôi lờ mờ biết Tư Thành mê cô gái trong tấm hình, và hy vọng được lòng tôi, thì sẽ được lòng em tôi. Vốn tính nhút nhát, nên Tư Thành không bao giờ dám hỏi thẳng về em tôi. Chỉ một lần, anh đánh bạo hỏi tôi khi nào về thăm nhà, và có thể cho anh đi cùng, về chơi có được không. Tôi đáp rằng dĩ nhiên là được, và sẽ mời anh ở lại nhà vài hôm. Nghe vậy, Tư Thành sượng đến đỏ cả mặt. Sau này, tôi cho Tư Thành tấm ảnh đó, anh cất kỹ trong ví, lâu lâu mở ra xem mà mơ mộng. Buổi sáng, tôi và Tư Thành thường hay ăn cháo trắng với hột vịt muối của cô Năm Cháo Trắng bán, cô này có nước da ngăm ngăm, duyên dáng. Hàng cháo gánh, ngồi chồm hồm ăn, hoặc ngồi trên các đôn gỗ thấp sát đất. Có nhiều anh lính trêu ghẹo, tán tỉnh cô, nhưng khi nào cô cũng vui vẻ, tươi cười, không làm mất lòng ai. Tôi cũng khoái cô này, thường giả vờ hết tiền, ăn thiếu nợ. Đến tháng lãnh lương, thì trả, nhưng không trả hết, khi nào cũng xin khất lại một ít. Cứ nợ cô, thì cô phải nhớ đến số tiền nợ. Nhớ đến số tiền nợ, thì phải nhớ đến người mắc nợ, tức là cô phải nghĩ đến mình. Cái mưu kế này, tôi nghe được trong một tiệm hớt tóc mà mấy anh thủy thủ kháo nhau. Tôi có bày mưu này cho Tư Thành, mà anh không chịu nghe theo, cứ sòng phẳng trả hết tiền, không bao giờ chịu thiếu một xu.

Một hôm tôi rủ Tư Thành đi xem cải lương, anh viện cớ bận việc, tôi đi một mình. Khi ngồi trong rạp, nhìn xéo qua bên kia, thì tôi thấy Tư Thành và cô Năm Cháo Trắng đang ngồi bên nhau. Tay Tư Thành đưa lên chỉ chỗ, như đang giải thích gì đó. À thì ra Tư Thành đã bí mật phỗng được cô hàng cháo, mà anh em không ai hay biết. Tôi tránh mặt cho Tư Thành làm ăn được tự nhiên.

Hôm sau, gặp Tư Thành, tôi làm bộ giận, mà thực ra thì tôi cũng hơi ghen tức. Tôi đặt mưu tính kế, mà chẳng được cơm cháo gì, Tư Thành cứ tự nhiên, thì vợ được cô hàng cháo. Tôi cứng giọng, nói với Tư Thành:

“Mày phản bội em tao. Trả tấm hình con Mười lại cho tao. Tưởng mày đang hoàng, thì ra...”

“Tao làm gì mà gọi là phản bội?”

“Mày còn giả vờ? Hồi hôm mày đi đâu? Làm gì? Với ai? Có chối được không?”

“Ai nói với mày?”

“Chính mắt tao thấy. Tao để yên cho chúng mày hú hí. Chối tội làm chi?”

Tư Thành bẽn lễn móc ví trả tôi tấm hình cô gái có hai cái núm đồng tiền. Anh có vẻ tiếc lắm. Cuối cùng anh nói:

“Em gái mày đẹp như thế này, thì chán chi người dòm kẻ ngó. Tao làm gì mà với thấu. Trả hình lại cho mày là phải.”

“Mày định bắt cá hai ba tay sao? Con Năm Cháo Trắng cũng có duyên lắm đó chứ!”

“Ừ. Có duyên. Hồi hôm, em thú thật với tao em là ‘đầu gà đít vịt’ Mày thấy da em ngăm ngăm không?”

Tôi hỏi Tư Thành làm sao mà câu được em Năm Cháo Trắng? Trong lúc tôi bày mưu tính kế mà không được em đáp ứng. Tư Thành cho rằng tôi ngu, đàn bà con gái không ưa những người bê bối, mang nợ mắc nần. Sau này về làm chồng quen thói nợ nần, ai mà chịu nổi. Thì ra, tôi nhẹ dạ tin vào mưu kế tào lao của mấy anh thủy thủ gà mờ.

Từ ngày trả lui cho tôi tấm hình cô gái có núm đồng tiền, Tư Thành không còn nể nang tôi như trước kia nữa. Tôi biết mình ngu, đòi lại tấm hình, chẳng ích gì, nhưng đã lỡ rồi, tiếc cũng không được.

Tôi thường ứng trực thế cho Tư Thành, để anh có thì giờ đi chơi với cô Năm Cháo Trắng. Bởi vậy, sau này cô thường móc cho tôi những tô vun, cháo muốn tràn ra ngoài. Từ đó, tôi không bao giờ thiếu nợ cô nữa.

Tư Thành cho biết, cô Năm Cháo Trắng muốn giới thiệu cho tôi một người bà con. Theo Tư Thành, thì cô Sáu Rau này đảm đang lắm, hiện bán rau ở chợ Cầu Ông Lãnh. Tôi mừng hơn hở, và nghĩ rằng từ nay sẽ có một người bạn gái, cùng đi chơi trong những ngày nghỉ, cho bớt cô đơn, đỡ chạy rong rong như chó tháng ba. Chúng tôi hẹn nhau đi xem

cải lương. Trước hôm gặp gỡ, tôi bồn chồn, lo lắng, chăm chút lại nhan sắc cho đàng hoàng, ủi lại áo quần cho phẳng nếp, tóc tai hót cao sáng sủa. Gặp nhau tại rạp hát, tôi thất vọng nãy nê. Cô gái mà họ giới thiệu, có cái nhan sắc không hợp nhãn tôi. Cô này mặt hơi rỗ, răng còi, cái miệng rớt thấp xuống đến đầu gối. Ngồi bên cạnh cô trong rạp hát, mà đầu óc tôi cứ luẩn quẩn nghĩ đến hai cái vé, tiếc tiền mua bao. Hôm nay gánh cải lương diễn tuồng “Hoa rơi cửa Phật” tức là chuyện tình Lan và Điệp. Chuyện kể cô Lan thất vọng vì người tình đi lấy vợ, vào chùa cắt tóc đi tu. Cô Sáu cảm động khóc mùi mẫn, hai vai rung rung, và xịt mũi mũi. Cô nắm lưng bàn tay tôi đang tựa trên thành ghế. Bàn tay cô nhám xit, có lẽ vì nhiều cục da chai trong lòng tay, kết quả của công việc lao động hàng ngày. Tôi để yên. Cô bóp nhẹ tay tôi nhiều lần. Tóc cô thoang thoang thơm dầu dừa. Có mùi hôi chua, có lẽ cô bị mồ hôi nách. Cái mùi chua đó làm tôi khó thở. Tôi cứ để yên, không dám thụt tay về, sợ cô buồn. Một lúc sau, tôi giả vờ nói:

“Rệp cắn. Rạp này nhiều rệp quá.”

Đồng thời, tôi kéo tay về giả vờ gãi.

Tan tuồng, cô Năm Cháo Trắng ép tôi đưa cô Sáu Rau về nhà bằng xích lô máy. Ban đầu tôi từ chối, muốn về riêng, nhưng Tư Thành cứ bám tay tôi mãi. Tôi đành lên xe ngồi nhìn thẳng ra phía trước. Xe chạy vùn vụt, gió tốc tốc cô Sáu quất vào mặt, vào cổ tôi. Những khi xe quành, cả người cô Sáu đổ dồn, như chồm lên tôi. Cô Sáu vòng tay ra ôm chặt lưng tôi, có lẽ cô sợ ngã. Hai tay tôi xuôi ra phía trước, nắm trên đầu gối. Khi cô Sáu xuống xe, cô chào tôi và cười nói: “Lính chi mà hiền quá!”

Cả tuần tiếp theo sau hôm đi xem cải lương về, tôi giận Tư Thành, giận luôn cả cô Năm Cháo Trắng. Hai người này khinh tôi, giới thiệu cho tôi một cô gái vừa xấu xí, vừa hôi nách. Buổi sáng tôi không ăn cháo trắng nữa. Tôi không nói chuyện với Tư Thành trong một thời gian lâu. Tư Thành thì không biết tôi giận, cứ lú lo nói chuyện này, chuyện kia, mà tôi cứ phớt lờ.

Một hôm Tư Thành hốt hoảng nói với tôi:

“Nguy rồi mày ơi. Con Sáu Rau đau nặng, sắp chết, nó muốn gặp mặt mày một lần trước khi về châu Diêm Vương.”

“Đừng đùa. Gặp để làm chi? Mà nó đau bệnh gì, mới đó còn khỏe mạnh như trâu. Sao mày biết nó bệnh?”

“Thì con Năm Cháo Trắng nói. Sáu Rau bệnh, không ăn uống được, nằm kêu tên mày suốt ngày đêm. Mày theo tao ra công trại gặp con Năm Cháo Trắng, nó đang chờ mày.”

Tôi gạt tay Tư Thành ra. Anh cứ nắm áo tôi mà kéo đi. Tôi bực mình lắm, định gặp cô Năm Cháo Trắng, thì cho một trận để cô ta biết mặt tôi. Nhưng khi gặp cô Năm Cháo

Trắng, thấy cái cười duyên dáng ỏn ẻn của cô, thì bao nhiêu giận hờn đều tan biến đâu mất. Cô cầm lấy tay tôi một cách thân thiết, làm tôi run run, và cảm động. Cô Năm Cháo Trắng ép sát người vào tôi, kéo tôi đi. Tôi ngại Tư Thành nổi ghen, phang cho tôi thanh củi vào đầu. Tôi nhìn lui phía Tư Thành, thấy anh không có vẻ gì phản đối cả, tôi yên tâm đi theo. Cô Năm nói:

“Anh giúp em một lần đi. Tất cả lỗi tại em gây ra, giới thiệu anh cho nó. Nó mệt anh quá, đau bệnh tương tư, anh không cứu nó, nó chết thì tội nghiệp lắm, mà anh mang tiếng thất đức nữa.”

Cô Năm ngoắt chiếc xích lô máy, đẩy tôi lên xe, cô leo theo, ngồi sát vào tôi. Hai thân mình tựa vào nhau, làm tôi mê mẩn, khờ ra, cô bảo gì cũng nghe cả. Cô nói lớn vì gió tạt mạnh:

“Anh giúp cho em một lần. Ghé thăm con Sáu Rau. Sau này anh muốn cái gì, em cũng chịu. Giúp em, rồi em sẽ trả ơn lại.”

Tôi nghe cô Năm Cháo Trắng nói, giọng thỏ thẻ hứa hẹn, mà mù cả trí. Tay tôi quàng qua lưng cô Năm, ôm chặt lấy vai cô. Tôi quên mất cô đang là người yêu của Tư Thành. Tôi nghĩ, không chừng cô này khoái tôi, bày đặt chuyện Sáu Rau đau, để có dịp gần gũi, tạo cơ hội cho tôi tỏ tình. Nhưng có lẽ tôi không nên xót tay trên của Tư Thành. Xấu hổ. Bạn bè như vậy, thì làm sao mà còn nhìn mặt nhau nữa. Mà nguy hiểm lắm, anh ta nổi ghen, cho một phát súng, thì đi đời. Nghĩ vậy, tôi lỏng tay ôm cô Năm Cháo Trắng, nhưng không buông hẳn.

Vào nhà cô Sáu Rau, mà tôi còn chưa tỉnh cơn mê vì được ôm cô Năm Cháo Trắng trong vòng tay. Nhà tối tăm, lụp xụp. Tôi thấy cô Sáu Rau nằm đắp chăn trên giường, mặt vàng như bôi nghệ, môi khô có đóng vảy, mắt cô lờ đờ. Cô khóc và đòi nắm tay tôi. Tôi đưa tay ra cho cô nắm. Cô thều thào:

“Em chết rồi, anh đừng quên em héng.”

Thấy một người con gái thương mình đến đau bệnh tương tư, thì tôi cũng có phần cảm động. Nhưng nhìn cái dung nhan xấu xí, tiều tụy, vàng vọt của cô, thì tôi nghĩ thâm, thà tôi chịu chết, chứ không thể lấy một người vợ xấu xí như vậy. Tôi nghĩ thêm, chuyện đau bệnh tương tư, chỉ có trong cải lương, và trong báo chí mà thôi. Tôi không tin trong đời, có kẻ đau bệnh tương tư. Lo cơm hàng ngày còn đổ con mắt ra, đổ mồ hôi cực nhọc kiếm miếng ăn chưa đủ, không ai có thì giờ mà đau tương tư. Cô Sáu Rau nói làm nhảm y hệt như những câu trong tuồng cải lương kỳ trước, làm tôi nghe mà phát ngượng.

Sau này, tôi được Tư Thành tiết lộ rằng, cô Sáu Rau muốn bắt cổ tôi, nên giả vờ đau bệnh tương tư, bôi nghệ cho vàng mặt, nhịn ăn, bớt uống hai hôm, làm cho ra vẻ hốc hác, để tôi cảm động, và thấy trách nhiệm về cái chết của cô, mà phải chịu phép. Nhưng cô Sáu

tính sai, vì giả vờ bệnh, làm mặt mày càng thêm xấu xí, hốc hác, thì tôi càng sợ, và càng cao chạy xa bay cho sớm hơn nữa.

Cô Sáu Rau còn nhấn rằng, nếu tôi không chịu mỗi tình, thì cô sẽ vào chùa, xuống tóc đi tu. Tôi đâu có khờ dại, mà sợ cô dọa. Tôi nói với cô Năm Cháo Trắng rằng, đi tu được, là có phước. Đi tu có thập phương nuôi, khỏi phải bôn ba nắng mưa ngoài chợ. Tôi nghĩ là cô Sáu Rau bắt chước tuồng cải lương mà nói, chứ không chắc đi tu đâu.

Thường thường, Tư Thành và tôi trốn trại đi xem đá gà ở xóm trong. Thiên hạ đánh cá ồn ào. Chúng tôi cũng thường bắt độ, khi ăn khi thua, mà thua thì nhiều hơn ăn. Những khi ăn tiền cá độ, chúng tôi dắt nhau đi nhậu vui vẻ, nhậu thâm cả tiền túi. Khi thua, thì hai đứa lủi thủi ra về, phải vay mượn tiền bạn bè để gỡ gạc. Có hai lần bị cảnh sát bố ráp, cả phường đá gà bỏ chạy, chúng tôi cũng sợ bị bắt, chạy trốn, cho nên mất luôn tiền cá độ. Từ đó, chúng tôi tìm ra một cách đánh cá khác, mà chủ cá độ không móc được của chúng tôi một xu. Hai đứa tôi đánh cá riêng với nhau, đứa này được, thì đứa kia thua. Chúng tôi gọi là lọt sàng xuống nia. Và sau cuộc đá gà nào, chúng tôi cũng có buổi ăn nhậu, vì một trong hai đứa thắng cuộc. Thời trước Tư Thành có nuôi gà đá, nên nhiều kinh nghiệm, cứ nhìn vóc dáng bên ngoài, là biết ngay con gà có phong độ hay không. Tôi cứ nợ Tư Thành mãi, và một hôm, tôi bắt cá lớn, hy vọng trừ nguyên món nợ đang thiếu. Con gà tôi bắt độ, lớn hơn con gà của Tư Thành cỡ một mười, một bảy, và cựa của nó dài hơn chừng nửa phân. Tôi chắc ăn. Tư Thành nói con gà kia nhỏ, nhưng xương giò lớn, cựa năm khén, và sức lực dồi dào hơn. Theo Tư Thành, nếu trong khoảng năm phút đầu, mà cầm cự được, thì nó sẽ thắng. Hai con gà đá nhau túi bụi. Cứ mỗi cú đá là địch thủ lăn ngửa ra. Máu me đổ lênh láng trên sân đất. Con gà Tư Thành bắt cá, bị té ngửa nhiều lần, và bỏ chạy hai lần, nhưng quay lại chiến đấu tiếp. Con gà lớn của tôi bị hai cú đá đau điếng, luôn đầu vào cánh địch thủ mà tránh đòn. Con gà nhỏ quay đầu lại, cắn vào mông con gà lớn, dùng hết sức lực đá ngược lên, làm gãy cánh con gà lớn. Nó nằm lăn quay xà mòng trên mặt đất, cái mồm há ra hấp hối. Tôi bị thua cá độ. Thế là nợ Tư Thành một số tiền bằng nguyên cả tháng lương. Nợ ít ít, thì còn nghĩ đến chuyện thanh toán, nợ nhiều quá, không còn muốn trả nữa. Tôi cứ khất mãi, và đến tháng lãnh lương cũng không trả bớt nợ cho Tư Thành. Từ đó, giữa tôi và Tư Thành có cái gì lẩn cẩn, tình bạn không còn như trước nữa. Tôi không dám ăn tiêu khi có mặt Tư Thành, sợ bị hỏi nợ. Không phải tôi muốn giựt nợ, nhưng tôi tự bảo lòng, khi nào tiền bạc dư dả, thông thả mới trả. Tư Thành thì cố làm theo lời cô Năm Cháo Trắng, muốn kéo tôi gần vào cô Sáu Rau, cứ có dịp là nhắc đến cô Sáu.

Một lần, Tư Thành thấy tôi nói chuyện thân mật, cười nói với một cô nữ quân nhân. Giữa chỗ đông người, Tư Thành hướng về tôi mà nói lớn:

“Sao mày nợ tao một tháng lương, lâu quá mà chưa trả? Phải vay mượn mà trả chứ?”

Tôi bị mặt mặt trước đám đông, phát cáu, giận đỏ mặt. Tôi nghiêng răng trả lời:

“Mày còn đòi tiền nợ, thì tao đánh cho bể đầu. Tao không nói đùa đâu.”

Tư Thành lảng đi nơi khác, mà tôi thì cũng không hết giận, định đi theo gây sự thêm. Vì một món nợ đá gà, mà chúng tôi mất tình bạn.

Sau năm 1954, Tây rút về nước, chế độ Cộng Hòa được thành lập tại miền Nam. Chúng tôi được giải ngũ, về đời sống dân sự. Tư Thành đem vợ là cô Năm Cháo Trắng về quê làm ăn. Tôi ở lại thành phố, làm đủ thứ việc, từ thợ nhà in, lái xe chuyển vận hàng hóa, thợ ký cho hội thánh Tin Lành và nhiều nghề khác. Cũng tạm đủ sống qua ngày, nhưng vì con đông, cho nên khi nào cũng thấy thiếu thốn. Thời gian làm việc cho hội thánh, tôi học được một ít tiếng Anh, nên sau này hữu dụng. Mười mấy năm sau khi giải ngũ, một hôm tôi lái xe chuyên kinh sách cho hội Thánh Tin Lành về miệt Long Xuyên, trên đường trở về, chiếc xe làm nư, chết máy giữa đường, không biết làm sao mà sửa. Tôi ngồi bên vệ đường, dưới bóng cây nhỏ. Đầu óc suy nghĩ, tính kế không ra. Tôi định bắt xe đò về tỉnh lỵ, rước thợ ra sửa xe. Chờ hoài mà không có xe qua. Phía dưới ruộng khô, có một nông dân đang cày đất với hai con trâu. Nắng cháy, cổ khát. Tôi thấy anh nông dân ngưng cày, lên bờ lấy bầu uống nước. Túng quá, tôi đánh liều kêu lớn:

“Này anh ơi, khát quá, cho tôi uống nước với.”

Người nông phu mang áo đen, quần xà lỏn, chậm chạp băng ruộng, đem cái bầu nước đến cho tôi. Khi đến gần, thì anh reo lên:

“Mày đó phải không Quài. Sao biết tao cày ruộng ở đây mà ghé lại thăm?”

Tôi mừng quá, hét lớn:

“Tư Thành! Mày! Đ. M. mày. Thằng quý. Mày ở đây hả? Chiếc xe nó biết có mày ở đây, nên chết máy, để cho tao gặp mày.”

Tư Thành và tôi xoắn lấy nhau, nhắc chuyện mười mấy năm trước. Đủ thứ chuyện. Nói cho nhau biết tin tức gia đình mỗi người. Tư Thành có hai thằng con trai. Đời sống của gia đình thông thả, nhờ cô Năm Cháo Trắng buôn bán thêm ngoài chợ quận. Gạo cơm đủ ăn. Mười mấy năm, Tư Thành chưa về lại Sài Gòn lần nào, vì cũng không có chuyện gì, mà chẳng còn ai để thăm viếng.

Tư Thành bỏ dở luôn buổi cày ruộng. Tôi cũng bỏ kệ cho chiếc xe nằm ụ bên đường, đến đâu thì đến, theo Tư Thành đi vào làng. Nhà Tư Thành trồng trái, đơn sơ như tất cả mọi nhà nghèo miền quê.

Tư Thành lấy cái nơm làm bẫy, rải lúa cho gà ăn, và bắt được một con gà trống thiên lớn. Sau khi chọc tiết, moi lòng. Tôi phụ Tư Thành nhồi đất sét ướm bên ngoài, và thả con gà trong đồng rom mà nỏ lửa. Lửa cháy bùng bùng, mùi thịt thơm bốc lên làm tôi chảy nước miếng. Tư Thành đem ra hai lít đế trong veo. Thèm quá, tôi rót một ly nhỏ, uống

trước. Rượu thơm lòng nồng lên hốc mũi, và nóng như có lửa cháy trong cổ họng. Khi gà chín, tôi đập cái vỏ đất sét, để cả con gà lên chõng tre có lát sẵn mấy tàu lá chuối tươi, mà Tư Thành đã rửa sạch. Chúng tôi bóc tay mà ăn, cầm đùi gà nhai, rượu vào đều đều, cạn chai này, qua chai kia. Chúng tôi cùng nhắc chuyện xưa, chuyện không đầu, không đuôi, chuyện này lẫn qua chuyện khác. Hai đứa nhỏ con Tư Thành đi học về, cũng nhào vào xâu xé con gà. Tôi ép thằng lớn hớp một ngụm đế, nó nhăn mặt phun ra. Tư Thành và tôi cùng cười vang. Khi trời xế chiều, thì cô Năm Cháo Trắng cũng gánh hàng về. Cô nhận ra tôi, kêu thét lên vui thú, và phát vào vai tôi nhiều lần đau điếng. Cô mắng:

“Cái ông khi này, tưởng chết rấp đầu rồi chớ. Làm sao biết tui tui ở đây mà ghé chơi? Vui quá xá.”

Đêm đó, cô Năm Cháo Trắng nấu cháo vịt, mượn hàng xóm thêm mấy lít đế, chúng tôi ngồi ăn nhậu dưới trăng cho đến khuya. Ăn uống no say. Tôi chợt nhớ tới món tiền mà tôi nợ Tư Thành, trị giá bằng một tháng lương vào thời gian mười mấy năm trước, mà chưa trả, và cũng chưa hề toan tính thanh toán cho sòng phẳng. Cũng vì món nợ đó, mà cái tình bạn thân thiết giữa chúng tôi có một thời lẩn cấn, mất đi cái mặn nồng, không còn như trước. Tôi chậm rãi nói lè nhè trong hơi men:

“Tao bậy quá, còn mắc nợ mày mà chưa có dịp trả. Công việc làm ăn, cũng không khá, mà con cái đông đúc, có cơm no bụng từng ngày là may lắm. Tiền không có dư...”

Tư Thành cười hiền hòa, giọng âm áp nói:

“Thôi, quên chuyện xưa đi. Nợ nần cái khi gì? Chuyện cờ bạc thời trai trẻ đại dột, để tâm làm chi? Bạn bè gặp lại nhau, là quý rồi.”

Có lẽ vì rượu đã ngấm nhiều, mà nghe lời nói chí tình của bạn, mắt tôi cay xè. May mà tối trời không ai thấy. Tôi xịt mũi. Đêm đó, tôi ngủ lại nhà Tư Thành, và nói chuyện râm rì trong bóng tối cho đến khuya.

Sáng hôm sau tôi ra chỗ xe nằm ụ, thì thấy chiếc xe chỉ còn là một đống sắt cháy nham nhở. Thì ra đêm qua, du kích đặt mìn phá, mà ngủ mê quá, chúng tôi từ làng trong, không nghe biết. Tôi lấy xe dò về Sài Gòn, và bị đuổi việc. Nhưng may mắn, không bị hội thánh bắt bồi thường. Có lẽ họ biết, tôi đưa mạng cùi ra, có bắt đền cũng không moi được một xu, thì tha làm phước. Và lại thời buổi chiến tranh, không ai dự liệu trước được chuyện bom mìn.

Nhờ có thời làm việc cho hội Từ Thiện, tôi quen biết một số người, nên tháng tư năm 1975 chạy kịp ra khỏi nước. Tôi đem gia đình chạy, chưa biết sẽ chạy đi đâu, về đâu, và làm sao mà sinh sống sau này. Cứ chạy đã. Vì tôi sợ phải đi tù như một số bạn tôi, họ đã trở về miền Bắc vào năm 1954, và nghe đâu một số đã chết trong tù, một số còn bị giam giữ hơn hai mươi năm chưa được thả. Đó là tin tức chính xác đi quanh từ miền Bắc qua

Pháp, và từ Pháp về miền Nam. Tôi được nước Mỹ cho vào cư trú, đi làm đủ thứ nghề tay chân. Cuối cùng vào làm y tá cho một trung tâm dưỡng lão của quận hạt. Làm việc cho đến khi về hưu. Hai mươi mấy năm đời sống yên lành, no ấm, hạnh phúc.

Năm 2001, sau hai mươi sáu năm xa quê hương, tôi về lại Việt Nam một mình, lần thứ nhất, để sắp đặt việc cưới vợ cho đứa con trai út. Khi đang ở Sài Gòn, tôi nghe tin bọn khủng bố đánh sập tòa nhà đôi chọc trời ở New York. Ban đầu tôi không tin, và nghĩ rằng mấy ông Vẹm hay nói dối, đặt chuyện xạo tuyên truyền, nói xấu để quốc Mỹ. Nhưng sau đó, xem truyền hình, tôi sững sốt, bàng hoàng. Lòng tôi đau nhói, và nhận ra rằng, quê hương mới là nước Mỹ, cũng muôn vàn yêu mến, thấm thiết không thua gì quê hương cũ Việt Nam. Tất cả mọi chuyến bay đều bị hủy bỏ, việc vào ra nước Mỹ cũng tạm ngưng. Tôi chưa thể trở về lại Mỹ được, và trong lòng cũng tràn đầy lo ngại, không biết có thể về lại Mỹ được không. Hay là kẹt lại ở Việt Nam mãi, cho hết cuối đời. Bảy mươi mấy tuổi rồi. Một đêm mất ngủ, tôi ra đứng ở hành lang khách sạn. Từ trên cao nhìn xuống phố phường bên dưới, tôi chợt nhớ, hơn năm mươi năm trước, nơi đây còn lau sậy um tùm, đất thấp ngập nước, hoang vu. Từ bên trong phòng vọng ra tiếng ngâm thơ khuya qua cái radio nhỏ, giọng khàn đục buồn nã nê:

“Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò...” (*)

Lòng tôi chùng xuống, và chợt nghĩ hơn nửa thế kỷ trôi qua, vèo mau như mộng. Mới ngày nào đó, tôi bị Tây bắt đi tù, sung vào đội lính kèn. Bao nhiêu là đổi thay, bao nhiêu bãi biển đã biến thành nương dâu, bao nhiêu trũng hoang đã trở thành phố thị. Những thế hệ trước tôi và đồng thời với tôi, có lẽ đa số đã về với lòng đất. Yên bề. Những người còn sống sót như tôi, bây giờ ở đâu, làm gì. Bỗng tôi chợt nhớ đến Tư Thành. Nhớ tha thiết. Nhớ đến món nợ ngày xưa mà chưa trả được, lòng buồn rung rung. Tôi quyết định ngay, mong cho trời mau sáng, để thuê xe đi tìm thăm Tư Thành.

Chiếc xe thuê riêng, chở tôi chạy về miền Tây, đi tìm Tư Thành. Anh tài xế nghe tôi nói đi tìm một người bạn cũ, gặp nhau lần cuối đã hơn ba mươi năm trước, anh lắc đầu, có lẽ anh cho tôi là một ông già khủng lắm cảm. Xe từ Sài Gòn, về qua Tiền Giang, đi hướng về phía Long Xuyên, dọc theo kinh đào. Tôi chỉ nhớ mang máng cái nơi mà chiếc xe tôi lái bị đặt mìn hơn ba chục năm trước. Tìm ba nơi không có, tôi qua nơi thứ tư, cái tên làng nghe mơ hồ quen quen trong trí nhớ. Tôi vào làng hỏi, xem ai có biết Tư Thành, nay chừng trên bảy mươi tuổi, hồi xưa làm lính kèn ở Bộ Tổng Tham Mưu. Gặp ai tôi cũng chèo kéo, hỏi thăm, nói luôn tên cô Năm Cháo Trắng “đầu gà đít vịt”. Mọi người đều lắc đầu, ngơ ngác. Tôi nghĩ là đến lầm nơi. Nhưng vẫn nhớ mang máng đâu khoảng này. Tôi cố moi trí nhớ, càng cố nhớ, thì trí óc như cứ mụ ra, mơ hồ thêm. Tuổi già thành lắm cảm. Tôi đi lang thang quanh làng, và hy vọng, còn có người biết Tư Thành ở đâu. Khi tôi

chán nản trở lại đường cái, ngồi trong cái chòi bán nước bên vệ đường, thì gặp một bà già. Tôi chặn lại hỏi. Bà nhũu mày một hồi, suy nghĩ lung lăm. Bỗng bà la lên:

“Tôi nhớ ra rồi, từ lâu không ai gọi ông là Tư Thành nữa. Mà ông là ai, tìm Tư Thành có chuyện chi không?”

“Tôi là bạn lính kèn với Tư Thành khoảng hơn năm mươi năm trước. Bây giờ, nhớ bạn, ghé tìm thăm.”

“Trời đất! Năm mươi năm làm chi mà không thăm nhau, giờ mới trở chứng đi tìm!”

Mấy đứa trẻ con chạy ra ruộng kêu Tư Thành về, người ta nói anh đang cuốc đất thuê. Tôi nghĩ không phải là Tư Thành bạn tôi, hơn bảy mươi tuổi, còn sức đâu mà đi cuốc thuê. Lũ trẻ đưa về một ông già ở trần, xương sườn đếm được, tay chân khẳng khiu, chỉ mặc cái xà lỏn ngắn, đi chân đất. Da nhăn nheo, khô khốc, đen đúa, gầy gò, hai má hóp, miệng móm xòm, chỉ còn hai cái răng, một cái của hàm trên, một cái của hàm dưới, rất là thiếu mỹ thuật. Không có một nét nào của Tư Thành cả, có lẽ tuổi ông này già hơn nhiều. Tôi nheo mắt nói:

“Tôi tìm Tư Thành, hồi xưa làm lính kèn ở bộ Tổng Tham Mưu, có vợ là chị Năm Cháo Trắng.”

Ông lão phều phào:

“Ông là ai? Tìm tui có việc gì không?”

“Tôi tìm Tư Thành. Tôi là bạn cũ.”

“Ông là bạn cũ của tui? Chắc ông tìm lầm người rồi.”

“Ông biết Cô Năm Cháo Trắng?”

“Vợ tui, má thằng Độ, thằng Rê.”

Bây giờ thì tôi chắc chắn ông lão ngồi trước mặt tôi chính là Tư Thành, không ai khác. Tôi còn mơ hồ thấy vài nét hao hao của thuở nào. Bố thằng Độ, Thằng Rê, hai thằng này tôi đã gặp hồi xưa. Ngày trước, Tư Thành mong sinh được bảy đứa con đặt tên là Độ, Rê, Mi, Pha, Xôn, La, Xi, nhưng mới có Độ, Rê, thì bà vợ tịt ngồi. Tư Thành ngồi co một chân lên ghé dài, rất tự nhiên, cái quần xà lỏn kéo nhăn nhúm lên cao, để lòi nguyên bộ phận kín ra ngoài, một khúc đen điu, nhăn nhúm, nằm tựa trên một đùm bao da lưa thưa lông bạc trắng. Tôi mừng quá, nắm lấy hai vai Tư Thành mà lắc:

“Mày không nhớ ra tao là ai hả Tư Thành!”

“Không. Ông có làm tui với ai khác không? Ông là ai?”

“Thế thì mày không phải là Tư Thành, lính kèn ở bộ Tổng Tham Mưu hả?”

“Tui, Tư Thành lính kèn đây.”

Tôi làm bộ buồn bã đổi giọng:

“Có lẽ ông không phải là Tư Thành tôi quen, mà là người khác trùng tên chẳng?”

“Lính kèn, ở bộ Tổng Tham Mưu, trước năm năm mươi tư. Chỉ có Tư Thành này thôi.”

Tôi nắm chắc hai vai Tư Thành mà lắc, và hét lên:

“Đ.M. mày không nhớ ra tao là ai, thật không? Hay mày giả bộ.”

Tôi đưa tay lên miệng, với dáng điệu như đang thổi kèn và ca:

“Một ngàn, ba mươi vạn thằng Tây, xách cái bị, đi ăn mày. Mụ đi đâu, tui bắt mụ lại, tui không cho mụ về.”

Nghe tiếng chửi thề và điệu kèn Tây của tôi, Tư Thành nhào đến ôm lấy tôi mà thét lên:

“Đ.M. mày, chỉ có mày mới nói cái giọng này. Thằng chó chết, thằng dịch vật. Thằng Quài, mày, Quài. Mà mày sang trọng, và trẻ quá, ai ngờ, ai mà nhìn ra.”

Đám trẻ con đứng xem cười ầm lên khi thấy hai ông già văng tục và gọi nhau bằng mày tao. Tư Thành cảm động quá, cái miệng móm méo xẹo, và khóc thành tiếng hu hu, làm tôi cũng khóc theo. Tư Thành nghẹn ngào:

“Mày còn nhớ đến tao, tìm thăm. Đồ dịch vật. Lâu nay mày chết rấp nơi nào?”

Tư Thành nhìn tôi từ đầu xuống chân, nói nho nhỏ:

“Tóc tai cũng còn, răng cỏ hai hàm còn nguyên, mặt mày có da có thịt, áo bỏ vào quần, đi giày đàn hoàng. Có phải mày là Việt Kiều về thăm quê hương không? Bây giờ mày ở đâu? Làm gì?”

Tôi sợ Tư Thành buồn, nói dối:

“Việt kiều cái con khỉ. Tao ở Sài Gòn, nhờ có mấy đứa con vượt biên ra nước ngoài, và mấy đứa ở nhà, buôn bán, ăn nên làm ra. Giờ già rồi, về hưu, không làm gì nữa cả.”

Tôi hỏi thăm gia cảnh, Tư Thành cho biết hai đứa con trai đều đã chết. Thằng Độ đi lính quốc gia, đã đền nợ nước, thằng Rề “hy sinh” cho “cách mạng”. Cô Năm Cháo Trắng chết bệnh. Tư Thành không có ai để nương tựa, phải đi cuốc đất thuê kiếm ăn qua ngày. Tôi nhìn cái thân thể xương xẩu của Tư Thành, không biết anh lấy đâu ra sức mà đi làm lao động chân tay. Tôi nói:

“Thôi, mày đưa tao về nhà, thay áo quần, rồi cùng qua Long Xuyên, lu bù một bữa, anh em hàn huyên chơi, bỏ mấy mươi năm xa cách.”

Tư Thành ngụ trong căn chòi nhỏ, bốn bề che lá đơn sơ. Không bàn, không giường, chỉ có cái võng treo xéo. Trên bếp có cái nồi đen điu, méo mó. Tôi giở nồi ra xem, thấy còn có miếng cơm cháy. Tôi bốc ăn, mà cứng quá, răng già không nhai nổi. Thế mà Tư Thành không còn răng, ăn cách nào đây?

Khi xe vào tỉnh lỵ Long Xuyên, tôi nhờ anh tài xế tìm cho một quán ăn ngon. Anh đưa chúng tôi vào quán nướng Nam Bộ. Tư Thành gạt đi, không chịu vào, và nói:

“Kiếm chai đế và vài ba con khô cá sặc là đủ vui rồi. Đừng hoang phí tiền bạc. Vào làm chi những nơi sang trọng này cho chúng chém. Gặp nhau là vui rồi. Ăn uống là phụ.”

Tôi ép mãi mà Tư Thành không chịu. Cuối cùng, chúng tôi ra chợ, ngồi trên ghé thấp ở quán lộ thiên, ăn nhậu và nói cười vui vẻ, tự nhiên. Tôi uống rượu thay nước, vì sợ đau bụng. Anh tài xế cùng ăn, mà tôi không cho anh nhậu rượu, anh tỏ vẻ khó chịu, vụng vụng.

Đưa Tư Thành về lại tận nhà, tôi móc trong cặp một gói bao, bằng giấy báo đưa tặng. Tư Thành mở ra xem, và giật mình, xô gói quà ra về phía tôi:

“Cái gì đây? Tiền đâu mà nhiều thế này? Tôi không lấy đâu. Đừng bày đặt.”

“Có bao nhiêu đâu. Ngày xưa, tao nợ mày chưa trả được, bây giờ trả lại cả vốn lẫn lời. Tao tính rồi, mày nhận đi cho tao vui, bỏ công tao lặn lội đi tìm.”

“Không. Nợ nần cái khi gì. Ăn thua đá gà, chuyện tào lao thời trẻ dại. Tao đã bảo mày quên đi từ lâu. Bày đặt. Lấy tiền làm chi? Không có chỗ cất, bọn trộm cắp nó lấy đi, uống lắm. Tao không lấy đâu.”

Thấy bộ Tư Thành cương quyết quá, tôi xuống giọng, giả vờ nói:

“Mày mà không nhận, tao có chết nhắm mắt cũng không yên tâm. Chưa trả hết nợ, thì sau này phải đầu thai làm trâu cày cho mày. Khổ lắm. Thương tao, mày cứ cầm đi. Để mua gạo. Để khi đau yếu có chút thuốc thang. Nếu không có nơi cất, thì đem gởi bà con.”

Đôi mắt già của Tư Thàn chớp chớp, và nói giọng run run như sắp khóc:

“Đ.M., tao già đến thế này, mà mày cũng còn định gạt tao như hồi xưa nữa sao? Thằng chó chết. Cái tình bạn của mày, còn quý gấp trăm ngàn lần gói tiền này. Ừ, tao nhận cho mày vui. Tao sẽ làm mâm cơm cúng bà Năm Cháo Trắng, nói cho bà biết cái tình bạn của mày. Dưới suối vàng, chắc bà cảm động lắm.”

Tràm Cà Mau



Tác giả chú thích

(*) Thơ Trần Tế Xương



Nguồn: Internet eMail by batkhuat nguyen chuyển

*Đăng ngày Thứ Tư, October 30, 2024
tkd Khóa 10A—72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*